

公車 gōng chē

前面 qián miàn

後面 hòu miàn

台灣銀行 tái wān yín háng

銀行 yín háng

站 zhàn

抱歉 bào qiàn

好像 hǎo xiàng

下車 xià chē

下 xià

上車 shàng chē

上 shàng

路口 lù kǒu

找 zhǎo

房子 fáng zǐ

公寓 gōng yù